

Phẩm 6: TỶ LÔ GIÁ NA

(Từ đây trở xuống là vào quyển thứ mười một).

- Số câu: “Tức phần sau ấy lại có đại kiếp, đối với lý không trái”: Đây là nhằm ngăn chặn sự biện hộ giúp. Nghĩa là, như đại sư Tĩnh Pháp (tức đại sư Tuệ Uyển) nói: “Dựa theo phần văn tiếp dưới thì đại kiếp có Hằng hà sa số tiểu kiếp, thọ mạng của con người là hai tiểu kiếp đầu, thọ mạng của Phật là năm mươi ức năm...”

- Số câu: “Lược nêu rõ có mười Tướng”:

Tức nơi phần tiếp dưới văn tóm kết nói: “Hầu hết giống với phần đầu của kinh, là mười Thân tướng khó nghĩ bàn của bậc Giáo chủ.

Thứ nhất là Pháp thân như nơi kinh nói, dùng thân Trí không ngăn ngại mà làm Pháp thân. Văn nơi bản Sớ giải lại dung hợp sắc tướng v.v... làm một Pháp thân, do thân thứ nhất là chung nên pháp không đâu là không hiện hữu, gốc tự biến hiện khắp chốn, tức giải thích kinh chỗ nói về thân biến hiện khắp là thân Pháp tánh.

Tiếp theo cho rằng “Trí cùng với Lý kết hợp một cách sâu xa nên sánh cùng với cõi Chân kia”: Tức giải thích kinh sánh cùng với Chân Pháp giới. Đây là Báo thân cũng là Như Trí. Kinh Kim Quang Minh nói: “Chỉ Như Như cùng với Trí Như Như riêng tồn tại là Pháp Thân”. Từ câu: “Có thể khiến sắc tướng” tiếp xuống: Do chân thân hiện hữu khắp nên khiến cho chỗ ứng hợp nơi diệu dụng cũng hiện hữu khắp. “Ta nay với thân này tức là thân Thường hằng, Pháp thân”. Tức dùng ba thân viên dung là một Pháp thân chân thật. Chín thân tiếp sau thì nêu bày riêng.

Hai là tướng Bi, tức là Ý sinh thân.

Ba là tướng Thành, tức là Bồ đề thân. Lý, Hành, Thời, Xứ là đạo tràng, đều như phần đầu của kinh.

Bốn là tướng Sắc, tức là Phước đức thân. Phần trước của kinh có đoạn: “Đối tượng hành hóa của ba đời với biển lớn của các phước đức, thảy đều thanh tịnh. Do đó, sắc tướng vi diệu là quả của phước”.

Kinh lại viết:

*“Biển đại kiếp chẳng thể nghĩ bàn
Cúng dường hết thầy chư Như Lai
Khắp đem công đức thí quần sinh
Do đấy thân đoan nghiêm, tối thượng”*

Năm là tướng thù thắng, tức là Uy thế thân.

Sáu là tướng tôn quý, tức Tướng hảo Trang nghiêm thân.

Vả chẳng, thuận hợp với ba Thừa gọi là vượt quá Thánh đế. Phần tụng của Luận Câu Xá nói:

*“Tướng chẳng thật viên minh
Nên cùng Phật chẳng phải”*

Đây là giải thích về tướng của Chuyển Luân vương. Nay là đức Thế Tôn nên gọi là phân minh, thật sự gồm đủ số tướng như vi trần của mười Liên Hoa Tạng.

Bảy là Tướng ứng hợp, tức là Lực Trì thân, như vì chúng Rồng lưu lại hình ảnh với “ diệu lực được duy trì” bất diệt.

Tám là Tướng Vô ngại, tức là Nguyên thân. Phần kinh ở trước có câu:

*“Phật Tỳ Lô Giá Na
Nguyên lực khắp pháp giới
Trong tất cả quốc độ
Luôn chuyển diệu pháp luân”.*

Nên mắt nhìn thấy khắp cả.

Chín là Tướng biến hóa, tức Hóa thân.

Mười là Tướng an lành, tức là Trí thân, chính ở nơi ánh sáng của Trí tuệ, phụ là gồm cả ánh sáng nơi thân tướng. Cho nên biết rõ kinh này nêu dẫn về nhân duyên từ trước, xưa, cũng đều là vi diệu, viên mãn.

- Sở câu: “Thiện căn có ba, một là sinh phước cùng nghiệp bất động, dùng ba thứ Thí, Nhẫn, Trí mà làm thiện căn”: Nghiệp có ba thứ:

Một là nghiệp ác, tức do ba thứ căn chẳng lành sanh ra. Nay không có biện minh về chỗ này. Văn nơi bản Sở giải nêu ra ba nghiệp tức là được sinh ra do ba thiện căn. Ba thiện căn là không tham, không sân, không si.

Nay, chẳng phải chỉ không tham đắm nơi cảnh giới có, mà còn có khả năng bố thí, cứu giúp, để thành tựu thiện căn không tham. Chẳng phải chỉ ở nơi khổ không giận dữ mà còn gồm luôn việc thực hành nhẫn nhục, nên thành tựu thiện căn không sân. Chẳng những ở nơi cảnh giới thối đạt, thông tỏ, mà còn dốc sức tu tập về Tuệ giải, thành tựu thiện căn của không si. Có được ba thiện căn ấy chính là chỗ làm phát sinh điều thiện nơi ba cõi, nên là gốc bất động của phước đức.

Nhưng ba căn ấy là dựa theo Luận Duy Thức, đều có Tánh riêng. Mười một pháp Thiện (Tâm sở thiện) thấu tóm Vô Tham là do ở nơi các Hữu Hữu có đủ không tham đắm làm Tánh. Không Sân là do ở nơi

khổ khổ có đủ không giận dữ làm Tánh. Không Si là do ở nơi các nẻo Lý, Sự lãnh hội sáng tỏ làm Tánh. Thông hợp thì chỉ Thiện, Tuệ đều có riêng Tánh. Nay dựa nơi Tập Luận quyển thứ nhất dùng Tuệ làm Tánh của không Si. Ý của Luận Duy Thức kết hợp cho Tuệ là quả của không Si, nên Thí, Nhẫn hai thứ cũng theo Quả mà gọi tên, do không Tham, Sân nên thành Thí, Nhẫn. Vì vậy, văn nơi bản Sở giải cho rằng, dùng Thí, Nhẫn, Tuệ để làm gốc của ba thứ kia (Không Tham, Không Sân, Không Si).

Hai là Tín v.v... làm gốc thì đến phần tiếp dưới sẽ bàn rộng.

- Sở câu: “Ba là cầu đạt trí Tuệ vô thượng, dùng bốn pháp cùng với không phóng dật là năm pháp làm gốc”:

Kinh Niết-bàn nói: “Điều tán dương từ bi là pháp căn bản của Bồ tát. Có tâm từ bi ắt phải hỷ xả. Chẳng phóng dật thì tinh tấn, không tham v.v...”. Ba pháp ấy ở nơi chỗ tu tập, đoạn trừ, ngăn chặn điều sai trái là Tánh, giả lập làm một. Kinh Niết Bàn nói gốc của chẳng phóng dật rất sâu dày, khó có thể nhổ lên được. Nhờ chẳng phóng dật thúc đẩy bốn pháp trước cùng đạt được Nhất Thiết Trí, nên là gốc.

* Từ câu: “Bốn là nói chung về thiện căn” tiếp xuống: Tức là nói về Tánh chung của ba loại kể trên.

- Sở từ câu: “Một là lớp vô minh, Trí tự giác ngộ, mở bày” tiếp xuống: Văn nơi bản Sở giải có hai phần:

Một: Biện minh riêng.

Hai: Giải thích, tóm kết.

Trong phần một, thì bốn là lia bỏ chướng, năm là khiến đạt được giải thoát, lợi ích chung cho ba Thừa. Sáu là chưa tin tưởng thì khiến tin tưởng. Bảy là khiến hội nhập nơi Ba Hiền. Tám là khiến đạt được địa thứ nhất. Chín là khiến từ Hai địa trở lên đạt được nơi tám địa. Mười là đã ở nơi tám địa, đã chứng Vô sinh, chu Phật khuyến khích đạt được chín mươi hai địa.

- Sở từ câu: “Đây là căn cứ theo chỗ sai biệt” tiếp xuống: Là phần hai, giải thích, tóm kết. Sai biệt là tóm kết phần nêu trên, làm rõ cách giải thích, đối trị theo chiều dọc (thời gian). Tóm kết theo trên chẳng phải là ba Tất đàn.

Từ câu: “Nếu căn cứ theo sự phối hợp theo chiều ngang” tiếp xuống: Là lại tóm kết theo cách khác. Chiều ngang đối với chiều dọc ở trước, mỗi vị dùng chung mười câu ấy, nên phát sinh thấy điều Thiện. Lý đối với việc đối trị ở trên phát sinh điều Thiện, tức là Vi nhân Tất đàn. Nghĩa là phát khởi sự tin, hiểu lớn lao, sinh ra thiện căn thù thắng.

Đấy tâm thấy Phật, đều phát sinh điều Thiện. Thấy rõ Lý tức là Đệ-nhất-nghĩa tất đàn. Như trí tự giác mở ra hướng tới Nhất Thiết Trí, là đều thấy rõ Lý. Cũng ứng hợp có lúc thuận theo thế gian, khiến hoan hỷ là Thế giới Tất đàn. Do tiếp cận với lợi ích, nên trong đây không nói về tính chất vô ngại của chiều dọc-chiều ngang, ý trong đây là nghĩa của bốn Tất đàn, đến Phẩm Vấn Minh sẽ biện giải.

- Sở từ câu: “Xét nơi kinh Anh Lạc Bản Nghiệp, quyển thượng” tiếp xuống: Là nêu dẫn kinh để xác nhận cho sự giải thích. Năm trăm là đúng. Hai vạn năm ngàn là chẳng phải. Trong ấy phân làm hai:

Một là: Đả phá, phủ nhận.

Hai: Từ câu: “Hoặc căn cứ nơi Giáo” tiếp xuống: Lại xác nhận trong phần nêu trước.

Nói “Quyển thượng” Tức là Phẩm thứ ba: Hiền Thánh Quán. Trong đó, Bồ tát Kính Thủ hỏi: “Bồ tát làm thế nào để học quán về danh tự, nghĩa tướng cùng với Tâm sở hành pháp, lại phải làm thế nào?”

Đức Phật trước giải đáp về danh tự, tức nêu ra tên gọi vi diệu nơi các bậc ba Hiền mười Thánh. Tiếp theo là đáp về Tâm Sở hành pháp:

Kinh nói: “Phật tử ! Ông trước hỏi thế nào là Tâm sở hành pháp? Đó là mười tâm. Một là Phát tâm trụ v.v...” là giải thích rộng về tướng vi diệu của ba Hiền mười Thánh. Tiếp theo, Bồ tát Kính Thủ lại hỏi: “Thế Tôn ! Từ địa thứ nhất đến một địa sau, có hai thứ Pháp Thân với quả báo thần biến: Một là Pháp tánh Pháp thân, hai là Ứng hóa Pháp thân. Vậy đó là sắc tướng hay là tâm tướng?” Phật đáp, trước đáp về quả báo xuất thế gian: Từ địa thứ nhất đến Phật địa, đều có hai thứ Pháp thân. Ở trong Đệ-nhất-nghĩa-đế pháp như dòng nước chảy từ Thật tánh phát sinh, Thật trí là Pháp thân, Pháp gọi là Tự thể. Tập tạng là thân vv nêu bày luôn về cõi Tịnh. Phần tiếp theo nói: Nay Phật tử! Quả báo của thế gian, đấy là mười Trụ Đồng Bảo Anh lạc Đồng luân vương với một trăm người con phước đức làm quyến thuộc, sinh nơi một cõi Phật, thọ Phật học hành, giáo hóa hai cõi thiên hạ... Phật tử! Trên là Anh Lạc tướng luân nơi tất cả chư Phật, cùng Bồ tát, động tĩnh đều gắn bó, luôn theo nơi thân, cũng hóa độ hết thấy chúng sinh, nên có số pháp về quả báo như thế.

Giải thích: Đoạn trên là nêu dẫn đầy đủ về văn của kinh, ở nơi bản Số giải dễ lãnh hội, nên biết rõ là không vượt quá hai vạn người con.

- Sở từ câu: “Xét về chỗ gồm thâu của Hỷ kiến” tiếp xuống: Là dùng hai nghĩa để chứng minh, chính là hợp với năm trăm:

Một: Chỗ thống lãnh là thành, chẳng thống lãnh bốn cõi thiên hạ, nên chẳng phải là Kim Luân.

Hai: Đã gặp ba Phật. Phật xuất hiện trong kiếp giảm, Luân vương xuất hiện trong kiếp tăng, nên biết là chẳng phải.

- Sơ câu: “Biết rõ là lìa bỏ Danh, Pháp”: Tức nơi kinh Tư Ích, quyển thứ nhất, Phạm Thiên Tư Ích nêu câu hỏi: “Thế Tôn! Thế nào gọi là Bồ tát hành hóa khắp? Phật dạy: Có thể khiến ba nghiệp thân, khẩu, ý luôn thanh tịnh” Bấy giờ đức Thế Tôn nói kệ:

*“Như thân tịnh, không ác
Khẩu tịnh luôn nói thật
Tâm tịnh thường hành từ
Là Bồ tát biến hành.
Hành từ chẳng tham đắm
Quán bất tịnh không sân
Hành xả mà chẳng si
Là Bồ tát biến hành.
Nơi xóm làng, đồng trống
Cùng ở với đại chúng
Uy nghi luôn chẳng đổi
Là Bồ tát biến hành.
Biết Pháp gọi là Phật
Rõ lìa danh là Pháp
Thấu “Không danh” là Tăng
Là Bồ tát biến hành.”*

Giải thích: Đây tương đương với kệ thứ tư: “Nhân tiện nên lại”. Muốn giải thích kệ này cần biết rõ về sự dấy khởi, dứt sạch. Nay xem nơi ý của kinh ba lần nói đến chữ Tri (Biết, rõ, thấu) đều là người của quán hành. Nếu có thể nhận biết như thế là Bồ tát biến hành (hành hóa khắp). “Biết Pháp gọi là Phật” tức là Chân Phật, Pháp thân Như Lai. Phật tức là Pháp, Pháp tức là Phật. Cũng giống như Như Lai, tức là nghĩa Như của các pháp. Tiếp theo nên hỏi: Pháp tức là Phật, đối với nghĩa đã rõ, vậy Pháp là gì? Vì vậy câu tiếp nói: “Rõ lìa tức là Pháp”, do tất cả pháp, bản tánh là Lìa. Thể của Tâm là lìa niệm tức là Giác ngộ.

Tiếp theo nên hỏi: Gốc của pháp là tự lìa thì không có đối tượng được tu tập, sao cùng có Tăng? Nên có sự giải thích tiếp: “Rõ vô vi gọi là Tăng. Vô vi tức là pháp, Pháp vốn tự lìa, nhờ biết vô vi nên gọi là Tăng. Kinh Đại Phẩm viết: “Do biết rõ các pháp là không, phân biệt

có Tu Bồ đề”. Kinh Kim Cương có câu: “Tất cả Thánh Hiền đều do pháp vô vi mà có sai biệt”. Nghĩa là cùng học vô vi có cạn có sâu, nên thành ra sai biệt, chẳng phải pháp vô vi có sự sai biệt. Nay, văn nơi bản Sở giải chọn lấy ý “ biết rõ về lìa gọi là Pháp”. Nếu chẳng xả bỏ pháp thì chẳng phải là biết rõ về lìa. Cho nên cho rằng: “Pháp cũng nên bỏ”, tức là ý nơi kinh Kim Cương: “Pháp hãy còn nên bỏ hướng hồ là phi pháp”. Nhân nơi pháp mà được giác ngộ như nhờ bè đưa người qua sông. Nếu chẳng bỏ pháp khác nào người cứ ở mãi trong thuyền. Cần phải bỏ thuyền thì mới đến bờ kia. Cần phải quên đối tượng được bỏ mới là sự giác ngộ như thật về các pháp, là sự xả bỏ chân thật. Vì thế, kinh Đại Bát-nhã viết: “Bát-nhã hết mực thâm diệu, biết rõ bản tánh của tất cả các pháp là lìa”. Lại như Văn Thù giải thích: “Như Phật, Thế Tôn thọ nhận sự cúng dường, do ở nơi tất cả pháp biết rõ thật tánh của chúng”. Vì vậy, kinh nêu: “Giác ngộ như thật về tất cả các pháp là sự xả bỏ lớn”.

- Sở câu: “Trí tức là Thể”: Thể của Trí như mặt trời, dung như ánh sáng mặt trời. Thể của mặt trời tuy một nhưng có khả năng phóng ra hàng ngàn ánh sáng. Thể của Trí không khác mà có khả năng soi chiếu muôn cảnh. Lại nữa, ánh sáng của mặt trời không hai, nhưng chỗ được soi chiếu là vật thì sai biệt. Ánh sáng của Trí không sai khác, nhưng tùy theo cảnh giới mà sự soi chiếu có phân chia.

- Sở câu: “Một là Chánh định v.v...”: Nghĩa là cùng nói đến Tà định Bất định tụ. “Thiện ác v.v...” là cùng nói đến vô ký. Ba là thù gồm chung làm hai. bốn là “Hai vị” tiếp xuống: Là dung hợp làm một.

- Sở câu: “Nghĩa là Nhân quả của càn về sau đều hội nhập nơi Tâm ban đầu”: Là giải thích tổng quát. Sáu vị cùng đối chiếu với nhau nên thành sau sau. Năm vị là nhân, Diệu giác là quả. Lại, ở trong vị, vị cũng có nhân quả. Như trong thập Địa với quả điều hòa, mềm diệu v.v...

- Sở câu: “Như đi đến nơi ngàn dặm phải nhờ nơi bước ban đầu”: Tức lấy văn của đại sư Tăng Triệu, nơi bài “Vật Bất Thiên Luận”. Luận viết: cho nên công đức của Như Lai trải qua muôn đời mà hạnh lợi tha thường còn. Đạo pháp thông đến trăm kiếp, mà hạnh tự lợi càng vững bền vĩnh viễn. Bưng đất đổ thành núi phải từ nơi giở đất thứ nhất. Cũng như đi đến nơi chốn ngàn dặm phải nhờ vào bước đầu tiên. Quả do công nghiệp nên chẳng thể hư hoại.

Ý của Luận ấy cho rằng: “Các Tánh của vật đều an trụ, nên không có đến đi”. Nay tuy nêu dẫn văn nhưng dụng ý thì có chút ít khác biệt.

Ở đây cho là vốn xuất xứ từ Trang Tử: “Đường đi ngàn dặm ở nơi bước chân lằn dò”. Cũng như nước chảy cuộn cuộn, mênh mông vốn xuất phát từ dòng nước nhỏ. Cây to gốc đến mấy vòng ôm, vốn sinh từ cây con bé tí. Về sau nhờ nơi ban đầu mà đạt được, nên gọi là tại ban đầu. Câu: “Học giả lộc tại kỳ trung hỷ” (Việc học, phúc lộc, bổng lộc ở trong đó). Ý cũng giống như ở trên. Tức nơi sách Luận Ngữ: “Tử Trương học

Can Lộc. Tử viết: “Đa văn khuyết nghi, thận ngôn kỳ dư tắc quả vuu. Đa kiến khuyết đãi. Thận hành kỳ dư, tắc quả hối. Ngôn quả vuu. Hành quả hối, lộc tại kỳ trung hỷ” (Tử Trương muốn học làm quan, được bổng lộc. Khổng Tử bảo: Nghe nhiều, điều gì còn nghi thì để đó, đừng nói, những điều còn lại (tin được) thì khi nói phải thận trọng, như vậy sẽ ít lỗi. Thấy nhiều điều gì chưa yên lòng (hoặc còn nghi ngờ) thì để đó đừng làm, làm những điều còn lại, thì khi làm phải thận trọng, như vậy ít phải ăn năn. Lời nói ít lỗi lầm, việc làm ít ăn năn, bổng lộc tự nhiên ở trong đó). Theo bản dịch của Nguyễn Hiến Lê.

Giải thích: Can cầu là mong cầu, dốc cầu về địa vị, phúc lộc. Tuy chưa đạt được phúc lộc nhưng đã có được con đường dẫn đến phúc lộc nên sau này sẽ đạt được. Do học mà có thể đạt được nên ở trong việc học. Một nghĩa trên đây là chung cho các Kinh, Luận.

- Sở câu: “Trực tâm Bồ đề v.v...”: Tức là ý của Thật giáo trong Tông Pháp tánh nơi Luận Khởi Tín. Nhưng tâm Bồ đề gồm có ba Tâm, nay chỉ nêu tóm trong Trực Tâm. Do Trực tâm chánh niệm Chân như. Chân như tức là Chân như môn, một trong hai môn (Chân như môn, Sinh diệt môn) nơi Luận Khởi Tín, nên viết là “Trong Chân như môn”. Hai môn này đều thâm nhiếp hết toàn bộ tất cả các pháp, chỉ giữ lấy Chân như. Nghĩa là hết thấy các pháp cùng với với các đức về sau này đều dựa nơi Chân như. Chân như không hai nên là Thể của các pháp. Nay, tâm Bồ đề chánh niệm Chân như nên có thể thâm tóm tất cả.

- Sở câu: “Ba là ba đức mở bày, làm hiển lộ sự viên dung sau trước”: Tức là nghĩa viên dung của Biệt giáo Nhất thừa, chẳng giống với những nghĩa khác.

Nói “Ba đức mở bày”: Tức nơi Phẩm Phát Tâm Công đức. Lúc mới bắt đầu phát tâm liền đạt được một Thân, vô lượng thân của Như Lai, chính là Pháp thân mở bày, làm hiển lộ chỗ đạt được trí tuệ rất ráo. Đạt tất cả ánh sáng của trí tuệ tức Bát-nhã được mở bày, làm hiển lộ. Chẳng có một chút gì gọi là sở đắc đối với các pháp tức do tâm lìa vọng, giữ lấy sự tĩnh lặng, soi chiếu, cả hai cùng song hành, là sự mở bày, làm hiển lộ nẻo giải thoát. Trong tâm ấy, không một đức nào là khôngthâu

tóm. Nhân bao gồm cả biển quả đều ở nơi Tâm ban đầu.

Câu “Từ lúc mới phát tâm liền thành Chánh giác” là văn nơi Phẩm Phạm Hạnh.

Nói “Trước sau đều viên dung”: Do trước là trước của tức sau, sau là sau của tức trước. Do pháp duyên khởi, lia trước thì không sau, lia sau thì không trước, nên nêu trước để thâm tóm sau. Nếu căn cứ vào tính chất dung thông của Pháp tánh, thì tất cả nhân quả đều không lia tánh của Tâm. Khế hợp với tánh của Tâm nên không đức nào là không gồm thâm. Do hết thấy pháp đều tùy theo Tánh đối tượng được nương dựa, đều ở nơi Tâm ban đầu mà tức thì viên mãn. Cho nên nơi Phẩm Phạm Hạnh viết: “Nếu các Bồ tát có thể cùng với hành quán tương ứng như thế, ở trong các pháp không sinh hai thứ lãnh hội, lý giải, thì đối với tất cả Phật pháp mau chóng hiện tiền, lúc mới phát tâm liền đạt được đạo quả Vô thượng chánh đẳng chánh giác, biết rõ hết thấy các pháp là tự tánh của tâm, thành tựu thân trí tuệ, chẳng nhờ nơi sự giác ngộ của người khác”. Như văn nơi phần trước đã biện minh. Phần sau sẽ nêu bày trở lại.

- Số câu: “Trí của ba cái lớn, Trí ấy làm sáng tỏ Pháp giới”:

Trong Kinh nói đến “Mắt thanh tịnh” là tướng chung. Mắt ấy thấy cái gì? Thấy ba cái lớn của tâm. Trong phần Sở giải thuộc về kinh nên chỉ phối hợp hai cái lớn (thể, tướng), lược không nói về cái lớn của Dụng. Dụng tức là sự thâm tóm của Trí.

Câu: “Theo nghĩa ánh sáng của Trí Tuệ soi chiếu khắp pháp giới”: Tức ngầm dẫn Luận Khởi Tín để làm rõ về ánh sáng tỏa chiếu khắp, là nghĩa “Cái lớn của Tướng”. Tức Luận Khởi Tín giải thích về môn Sinh diệt. Cái nghĩa “lớn” được hiển bày thì văn cùng làm rõ về Thể, Tướng. Luận viết: “Lại nữa, Chân như từ nơi Thể Tướng, tất cả hàng phàm phu, Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát, chư Phật không có sai biệt, chẳng phải phần trước sinh, chẳng phải phần sau diệt, mà là thường trụ rất rạo”.

Giải thích: Trên là giải thích về cái lớn của Thể, nay chẳng nêu dẫn, do pháp giới là Thể, nghĩa dễ nhận biết. Luận viết: “Từ xưa đến nay tánh tự đầy đủ tất cả các công đức. Đó là nghĩa tự Thể có trí tuệ lớn lao sáng suốt; nghĩa soi chiếu tất cả pháp giới; nghĩa nhận biết đúng thật; nghĩa Tâm thanh tịnh của Tự Tánh; Nghĩa Thường, Lạc Ngã, Tịnh; nghĩa trong mát, tự tại, không biến đổi...”

Giải thích: Sáu câu nêu trên đều là nói về cái lớn của Tướng:

Một: Bản giác với Trí sáng tỏ.

Hai: Bản giác hiển bày soi chiếu các pháp.

Ba: Lúc soi chiếu luôn thuận hợp, không điên đảo.

Bốn: Thể lìa mọi thứ hoặc, nhiễm.

Năm: Tánh đức viên mãn.

Sáu: Tánh đức không dời đổi.

Nay không nêu dẫn bốn nghĩa sau mà dẫn hai nghĩa trước có Trí, soi chiếu khắp để chứng tỏ “Ánh sáng tỏa chiếu khắp” là nghĩa lớn của Tướng. E có người cho pháp giới là đối tượng được soi chiếu, “Ánh sáng tỏa khắp” là chủ thể soi chiếu, nên nêu dẫn văn này. Cái lớn lao của Tướng vốn có tức đều là đối tượng được soi chiếu, do mắt thanh tịnh, Trí sáng tỏ là chủ thể soi chiếu.

* Từ câu “Tích chứa hằng sa tánh đức” tiếp xuống: Là giải thích chữ Tạng trong kinh, gồm đủ nghĩa của hai Tạng. Tích chứa Hằng sa đức tức Tạng Bất Không. Vọng, Hoặc vốn rỗng không tức là Tạng Không. Cho nên thanh tịnh là nói hưởng lên trên là thuộc Tạng của đối tượng được xem xét, hưởng xuống dưới là thuộc về Mắt của chủ thể nhận thức. Không có chướng ngại, che phủ nên gọi là “kiên tánh”.

Câu: “Nhục nhãn tức gọi là Phật nhãn” tức nơi kinh đại BátNiết-bàn quyển thứ sáu. Kinh viết: Thiện nam! Hàng Thanh văn, tuy có thiên nhãn nhưng vẫn gọi là nhục nhãn. Người tu học Đại thừa tuy có nhục nhãn nhưng được gọi là Phật nhãn. Vì sao? Vì kinh điển Đại thừa gọi là Phật thừa. Phật thừa như thế là đối tượng, tối thắng, là sự “Kiến tánh” của chư Phật.

- Sở câu: “Lực lớn không dụng công một hành gồm nhiều”: Do tám địa đã đạt được diệu dụng không tốn công sức, như cỡi thuyền đi vào biển, nên gọi là lực lớn nhanh chóng.

Nói “Một hành gồm nhiều”: Tức trước dùng một thân dấy khởi sự hành hóa, đến tám địa này thì dùng vô lượng thân để thực hiện sự hành hóa, nên trong mỗi mỗi Hành đều dấy khởi tất cả Hành.

- Sở câu: “Phần còn lại có thể nhận biết rõ, nên gọi là chứng đắc, hội nhập”: Trí Luận quyển thứ ba mươi mốt viết: “Thấu triệt gọi là hội nhập. Hội nhập cũng là chứng đắc. Đắc tức là nơi chính mình đạt được”.

- Sở câu: “Cha của Bồ tát nên sự sáng tỏ đứng đầu”: Là văn của Trí Luận. Luận viết: “Bồ tát dùng Bát-nhã Ba-la-mật làm mẹ, Tam muội Ban chu làm cha. Ban chu tức là niệם Phật, đây phiên dịch là “Tam muội Phật lập”. Chính do niệם Phật tức là tiếp cận đích thực với sự việc, giống với phương tiện nên được gọi là cha. Lại nữa, niệם Phật, thành Phật là những thứ vốn gần gũi.

Nói: “Cho đến thập Địa chẳng lìa niệm Phật”: Tức trong thập Địa đều nói: “Hết thấy mọi đối tượng được tạo tác không lìa niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng v.v...”.

Phần biện giải ở trên, trước là nêu rõ lý do. sau, từ câu: “Vô biên Hải tạng” tiếp xuống: Là trở lại giải thích về tên gọi riêng. Phần này gồm hai:

Một: Nhắc lại kinh để giải thích tóm lược.

Hai: Từ câu: “Nhưng tóm lược có ba nghĩa” tiếp xuống: Chỉ bày rõ về Tướng.

Trong ba nghĩa, nghĩa thứ nhất là trong định thấy nhiều Phật, hai là Phật có nhiều đức. Hai nghĩa này đều căn cứ nơi đối tượng được niệm gọi là Vô biên Tạng. “Ba, vô biên đức thù thắng” tiếp xuống: Là căn cứ nơi chủ thể niệm gọi là Tạng. Phần này có ba:

Một: Làm sáng rõ.

Hai: Từ câu: “Thế nào là niệm Pháp” tiếp xuống: Là nêu ra chỗ giải thích, dẫn tóm lược về ba Thân.

Ba: Từ câu: “Chướng ngại không gì không diệt” tiếp xuống: Là sự tán dương của kinh. Cho nên trong phần kết của Hiền Hộ đã nêu dẫn rộng về các đức, trưng bày về nhân, Phật đáp “Đều từ niệm Phật mà sinh”.

Câu: “Một lời đủ bao quát tất cả”: Tức văn nơi sách Luận ngữ: “Khổng tử nói: Kinh Thi có ba trăm thiên, một lời đủ bao quát tất cả, đó là tư tưởng không tà vạy”. Nghĩa là quy về nơi chính. Niệm một danh hiệu Phật cũng gọi là “Một lời” (nhất ngôn), nên dùng ngay “Nhất ngôn” chỉ cho một chữ Phật.

- Sở câu: “Bảy là Bát-nhã” Tức giác ngộ tự tánh của các pháp là lìa mọi thứ phân biệt. Đây là giải thích chung về một môn, cũng tương đương với chỗ giải thích riêng về câu “Tự tánh lìa mọi cấu nhiễm”, là văn trong kinh đại Bát-nhã, Mạn Thù Thất Lợi phần, Bồ tát Từ Thị nói: Nếu các Bồ tát được nghe pháp Bát-nhã hết mực sâu sa này, tâm không bị chìm đắm, là đã tiếp cận đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Là vì các vị Bồ tát ấy hiện tại đã giác ngộ về tánh của các pháp là xa lìa hết thấy mọi phân biệt, như đại Bồ đề”. Nay pháp Bát-nhã ấy cũng khiến giác ngộ về tự tánh của các pháp, nên gọi là “Tự Tánh Ly”. Chữ Ly (lìa) có hai hướng: Hướng lên trên là thuộc “Tự Tánh Ly (tính chất lìa của tự tánh). Hướng xuống dưới là thuộc về phần lìa cấu nhiễm, tức lìa mọi cấu nhiễm của phân biệt.

Từ câu: “Có chỗ có thể lìa” tiếp xuống: Là giải thích riêng về văn

kinh để xác nhận chỗ giải thích tổng quát ở trên.

Câu: “Còn thấy có chỗ có thể lìa thì chẳng phải là lìa bỏ đích thực” là giải thích ngược lại. Câu đầu xác nhận “Tánh lìa” nêu trên. Câu “Biết rõ “Tự tánh lìa” thì không trở lại lìa nữa” là giải thích thuận. Câu đầu là xác nhận lời lìa phân biệt nêu trên. Chẳng biết rõ về Tánh lìa, nghĩa là còn thấy có chỗ có thể lìa, tức là phân biệt. Nay đã rõ về Tánh lìa biết Tướng là vắng lặng nên không phân biệt.

Từ câu: “Lìa của không lìa tức là Chân Pháp giới” tiếp xuống: Là nối kết phần trên để giải thích phần dưới nói về Pháp giới, chính là giống nơi Luận Khởi Tín.

Chỗ gọi là “Giác”, nghĩa là Thể của tâm lìa mọi niệm. Lìa tướng của niệm là cùng sánh với Hư không giới, không nơi chốn nào là không biến hiện. Pháp giới một Tướng tức là Pháp thân bình đẳng của Như Lai. Pháp thân tức Chân pháp giới.

Câu: “Xưa nay đều thanh tịnh” là nối kết pháp giới ở trên để giải thích chữ thanh tịnh. Đã rõ “Tự tánh lìa” là chân pháp giới, tức vốn tự thanh tịnh, chẳng phải do quán chiếu khiến thanh tịnh, cũng chẳng phải trừ bỏ cấu uế nên được thanh tịnh. Do đó kinh nêu là “Pháp giới thanh tịnh”.

Câu: “Pháp giới kia thanh tịnh tức Bát-nhã thanh tịnh”: Là đem nghĩa nêu trên xác nhận Bát-nhã này được gọi là thanh tịnh. Đây có hai ý:

Một: Do Thể thanh tịnh mới thành Bát-nhã. Ở đây, Bát-nhã nhận lấy tên gọi thanh tịnh của Pháp giới.

Hai: Tánh vốn không hai. Cho nên nơi kinh đại Bát-nhã, Phần “Khó tin hiểu” có đoạn: “Lại nữa, Thiện Hiện! Bát-nhã Ba-la-mật-đa thanh tịnh nên Sắc thanh tịnh. Sắc thanh tịnh nên trí Nhất Thiết Trí thanh tịnh. Vì sao? Vì hoặc Bát-nhã Ba-la-mật-đa thanh tịnh, hoặc Sắc thanh tịnh, hoặc Trí Nhất Thiết Trí thanh tịnh đều không hai, không hai phần, không phân biệt, không đoạn diệt, nên gọi là Tánh không hai”.

Câu: “Bát-nhã thanh tịnh tức gốc của muôn pháp thanh tịnh”: Cũng có hai ý:

Một: Do Bát-nhã soi chiếu tất cả pháp, biết rõ chúng vốn thanh tịnh.

Hai: Cũng là Tánh không hai. Cho nên nghĩa giống như đã nêu dẫn trên: Bát-nhã thanh tịnh tức Sắc thanh tịnh, bao quát khắp các pháp, lược nêu lên hơn tám mươi loại. Đó là: Năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, bốn đế, mười hai nhân duyên, sáu Ba-la-mật, cho đến Bồ đề,

Niết-bàn v.v... đều như đã nói về Sắc, nên gốc của muôn pháp là thanh tịnh.

Câu: “Muôn pháp thanh tịnh, tức không tịnh, không bất tịnh”: Là từ bỏ cả Tướng tịnh. Phạm gọi là Tịnh, tức nêu rõ gốc của Pháp, tánh là vô sinh, các tướng đều vắng lặng nên gọi là thanh tịnh, há đợi đến thanh thản không vật mới gọi là tịnh sao? Chẳng phải chỉ nơi Sự không mà là thanh tịnh đích thực. Còn thấy gốc đích thực là thanh tịnh thì chẳng phải là thanh tịnh, vì cũng là chỗ đối đãi nơi chủ thể, đối tượng chưa dứt hẳn, sao được gọi là tịnh? Nên bậc Thiện tri thức đúng nghĩa khiến xem rõ nẻo Tịnh, “Tức là Tánh vốn thanh tịnh, tịnh ấy không còn là tướng Tịnh, mới thấy rõ tâm ta” là nghĩa này.

Kinh Tịnh Danh nói: “Cấu uế, thanh tịnh là hai, thấy rõ thật tánh của cấu uế thì không còn tướng tịnh. Liả bỏ nơi chỗ thấy tướng ấy là đi vào pháp môn Bất nhị”.

Phần kinh tiếp dưới viết:

*“Nếu có thấy chánh giác
Giải thoát, liả các lậu
Chẳng vướng nơi mọi đời
Kia chẳng chứng đạo nhĩn.
Nếu có biết Như Lai
Thể Tướng không chón có
Tu tập được thông tỏ
Người ấy mau làm Phật”.*

- Sở từ câu: “Thật Tướng Bát-nhã là Thể của muôn pháp” tiếp xuống: Là giải thích chữ Thân trong kinh.

Thân có ba nghĩa: Thể, Nương tựa, Tích tụ. Nay, Thật tướng Bát-nhã tức là Thể của Pháp thân. Quán chiếu Bát-nhã đồng với chỗ nương tựa của Báo thân. Hóa thân gọi là tích tụ, vì cạn nên không nêu bày tức “Quyển thuộc Bát-nhã”, cũng được gọi là Thân, đồng với nghĩa tích tụ.

- Sở câu: “Nên kinh Nhân Vương nói: ba địa sau...” Tức là địa thứ tám trong Phẩm Giáo Hóa, gọi là Bồ tát đẳng quán. Kệ viết:

*“Bồ tát Đẳng quán, vua hai Thiên
Pháp thân biến hóa vô lượng quang”.*

Chín địa nói: “Khai sĩ Tuệ Quang, vua ba Thiên”

Thập Địa nêu: “Bồ tát Quán đỉnh, vua bốn Thiên”

Sau đều tụng như ba địa trên, là:

“Đẳng, Tuệ, Quán đỉnh, ba bậc sĩ

*Trừ trước, trừ tập duyên vô minh
Vô minh tập tướng nên phiền não
Hai đế lý cùng, tất cả dứt”.*

Giải thích: Đã nhắc lại tổng quát về ba địa dứt trừ tập khí của Vô minh. Do đấy, vẫn nơi bản Sở giải gọi là cùng xua trừ vô minh.

Từ câu: “Chẳng phải là địa quán đỉnh” tiếp xuống: Là giải thích nghĩa nơi kinh kia. Địa Quán đỉnh nơi kinh kia tự tương đương với với địa thứ mười, nên gọi “Chẳng phải là địa Quán đỉnh”. Nhưng thập Địa cũng dùng việc dứt trừ tận cùng tập khí của vô minh với Trí không dụng công mà được quán đỉnh, nên gọi là “Trí quán đỉnh”.

- Sở câu: “Thấy pháp khắp nên gọi là Phổ nhãn”: Đây là giải thích tên kinh, nhưng có ba nghĩa:

Một: Căn cứ theo đối tượng được nhận thức, gọi là Phổ (khắp).

Nói “Phổ pháp” (pháp khắp nơi) tức là một gồm đủ tất cả, mỗi mỗi xứng hợp với Tánh, đồng thời gồm đủ. Đây tức là khả năng của một Nhãn trong mười Nhãn. Kinh viết: “Mắt của Nhất Thiết Trí thấy rõ khắp Pháp giới”.

Hai: Đối chiếu một Nhãn (mắt) tức là mười Nhãn, do dung hợp không chướng ngại là căn cứ nơi chủ thể nhận thức, gọi là Phổ. Như Phật nhãn trong năm Nhãn. Bốn Nhãn kia hội nhập nơi Phật nhãn đều gọi là Phật nhãn. Như bốn sông lớn chảy vào biển thì không còn trở lại với tên sông, mà có đủ vị của biển cả. Kinh Kim Cương có câu: “Như Lai có nhục nhãn chẳng? Đúng vậy, Thế Tôn! Như Lai có nhục nhãn”. Cho đến câu: “Như Lai có Phật nhãn chẳng? Đúng vậy, Thế Tôn! Như Lai có Phật nhãn”. Nay, mười nhãn cũng như thế. Theo một gồm đủ mười. Nhưng các giáo pháp nói chỉ có Phật nhãn là gồm đủ năm thứ, bốn nhãn còn lại thì không. Nay, người của nhân quả đều chấp thuận một nhãn tức gồm đủ mười nhãn, chẳng phải chỉ sau hơn, đầy đủ so với trước kém. Mà nếu một chẳng gồm đủ mười thì chẳng phải là “Phổ nhãn”.

Nói “Mười nhãn” là nơi Phẩm Ly Thế Gian đã thuyết minh: Nhục nhãn, Thiên nhãn, Tuệ nhãn, Pháp nhãn, Phật nhãn, Trí nhãn, Quang minh nhãn, Xuất sinh tử nhãn, Vô ngại nhãn, Nhất thiết trí nhãn.

Về sự “Dung hợp không ngăn ngại” có hai nghĩa:

Một: Xác nhận tính chất vô ngại của mười nhãn nêu trên.

Hai: Xác nhận phần tiếp dưới, tức chủ thể, đối tượng không ngăn ngại.

Từ câu: “Ngoài Nhãn không có pháp mới đích thực là Phổ nhãn” tiếp xuống: Là căn cứ nơi Tâm, Cảnh cùng gồm thâu mới gọi là Phổ

Nhãn.

Trên là nêu lên. Từ câu: “Dùng các duyên để phát hiện, nhận rõ” tiếp xuống: Là giải thích riêng về lý do. Như Pháp sư Đại Thừa (đại sư Khuy-Cơ) dùng chín duyên để nêu rõ về Thức. Nhãn căn gọi là Nhãn, phần còn lại chẳng gọi là Nhãn. Nay thì nêu ra, đối chiếu. Nhãn căn có thể phát sinh ra Thức, nhãn căn được gọi là Nhãn. Sáu duyên còn lại cũng như thế, do tính chất duyên khởi nơi các pháp đều có Hữu lực, Vô lực cùng thành lập.

Tiếp theo viết: “Nhân chìm trong Quả duyên hợp đều gọi là Nhãn”: Tức chín duyên không thấy sắc, không thấy thì chẳng gọi là Nhãn. Chín duyên đều thấy sắc Ẩn chìm nơi Quả cùng gọi là Nhãn. Do đều toàn Hữu lực.

Nói: “Toàn bộ sắc là Nhãn, thường thấy Sắc mà không duyên hợp” Sắc là Cảnh của đối tượng được duyên hợp. Nhãn là căn của chủ thể duyên hợp. Nay Sắc tức là Nhãn nên không duyên hợp.

Nói “Toàn bộ Nhãn là Sắc luôn gọi là thấy mà chẳng phải là ngã”:

Nhãn là chủ thể nhận thức của ngã. Nay toàn là Sắc, nên lúc chánh kiến tức chẳng phải là ngã. Đây tức là ý của đại sư Hiền Thủ. Phần tiếp theo lại có câu:

“Chẳng phải là ngã lia nơi tướng của vọng tình, không duyên hợp, dứt tuyệt mọi tham cầu, thấu tóm muôn hình tượng nơi trước mắt, bao gồm cả mười phương nơi cõi Nhãn, do đấy nghĩa duyên hợp là vô tận, theo nhận thức, kiến giải mà chẳng cùng. Tánh của vật đâu thể nghĩ suy, ứng hợp với pháp pháp mà khó thành chuẩn mực. Pháp hiện khắp thì Nhãn có khắp, nghĩa thông hợp nên nhận thức cũng thông, Thể ấy tự Ẩn giấu, soi chiếu thì lớp lớp tầng tầng. Sau đấy, tận cùng mười phương nơi cõi mắt, có không của gương mà càng sáng rõ. Thâu gồm muôn hình tượng để thành thân, hiển bày Sự, Lý mà thông suốt, thấu triệt”.

- Số câu: “Năm độ đều có phước, định là lớn tốt bậc”: Sáu Ba-la-mật (độ) thâu tóm thành hai thứ trang nghiêm, tổng quát có hai ý:

Một: Năm độ trước là Phước. Một độ sau là Trí.

Hai: Ba độ trước chỉ là Phước. Một độ sau chính là Trí. Còn Tinh Tấn, Thiền định thì chung cho cả hai. Thành trước là Phước, thành sau thuộc Trí. Nay do trong kinh nói: “Đạt được Tam muội gọi là đại phước đức” nên dùng phần trước.

- Số câu: “Phước tức là thiện, chẳng phải phước tức là tội”: Tức ý nơi Phẩm Tương Nhiếp Tội Phước của Bách Luận. Cho nên Luận đã

dẫn kinh Kim Cương: “Phước còn phải xả bỏ hướng chi là chẳng phải phước”. Dùng thiện bỏ ác, dùng trí Vô tướng bỏ phước, tức thiện ác cả hai cùng quên. Nay gọi là thấu tỏ, tức một là thấu rõ về Tướng, hai là thấu rõ về Thể Không, ba là thấu rõ về tính chất vô ngại.

Từ câu: “Hai, Phước tức là Tướng” tiếp xuống: Tức dùng Thể để nói về Phước. Trong Đệ-nhất-nghĩa-đế thì Phước cũng chẳng còn. Cho nên dẫn kinh Kim Cương: “Như Lai nói tướng Phước đức” là tùy theo thể tục mà giảng nói. “Tức chẳng phải là tướng Phước đức” là ứng hợp với thể rỗng lặng. “Đó là tướng Phước đức” là tóm kết về nghĩa chính.

Nếu Phước tức Phi Phước mới gọi là Phước đích thực. Nếu cho Phước là Phước thì chẳng phải là Phước đúng nghĩa. Có người cho câu thứ ba cũng là căn cứ nơi Tục đế mà nói, như thế là chẳng đạt được ý của kinh.

- Số câu: “Một là không thật mà quyền biến nêu bày”: Như nói có ba xe hiện có nơi ngoài cửa (Pháp Hoa) tức là Quyền giáo với ba Thừa. Vốn không có ba Thừa mà nói có ba Thừa, đối nêu ba xe, nhưng ra khỏi cửa chẳng đạt được. Câu: “Hai là, Lý vốn vô ngôn”: Cũng là kinh Pháp Hoa: “Tướng các pháp vắng lặng, chẳng thể dùng lời nêu, do diệu lực phương tiện, Giảng cho năm Tỳ Kheo”.

Câu: “Ba là Quyền, Thật không vương mắc”: Tức là hội nhập nơi Hữu chưa từng mê chấp nơi Không. Quán không chẳng hề sót nơi Sự, tức Như Lai với phương tiện tri kiến Ba-la-mật đều đã đầy đủ.

